

QUY ĐỊNH

Về bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định

a) Vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi chưa được quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

b) Cấm mốc chỉ giới đối với công trình thủy lợi chưa được quy định tại Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT;

c) Trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi của cơ quan, địa phương, đơn vị.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

3. Công trình thủy lợi khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng phải điều chỉnh vùng phụ cận theo quy định tại khoản 6 Điều 40 Luật Thủy lợi.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Vùng phụ cận của kênh chưa được quy định tại Luật Thủy lợi

1. Đối với kênh xác định được chân máng ngoài, có lưu lượng nhỏ hơn 02 m³/s, vùng phụ cận được tính từ chân máng ngoài trở ra tối thiểu là 01 m cho cả kênh đất và kênh kiên cố.

2. Đối với kênh không xác định được chân mái ngoài, vùng phụ cận được xác định từ giao tuyến giữa mái trong kênh với mặt đất tự nhiên trở ra đối với kênh đất và từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra đối với kênh kiên cố

a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $02 \text{ m}^3/\text{s}$, vùng phụ cận tối thiểu là 02 m ;

b) Kênh có lưu lượng $02 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $10 \text{ m}^3/\text{s}$, vùng phụ cận tối thiểu từ 04 m đến 05 m đối với kênh đất, từ 03 m đến 04 m đối với kênh kiên cố;

c) Kênh có lưu lượng trên $10 \text{ m}^3/\text{s}$, vùng phụ cận tối thiểu từ 05 m đến 06 m đối với kênh đất, từ 04 m đến 05 m đối với kênh kiên cố.

3. Đối với đoạn kênh trong cùng một tuyến kênh không xác định được chân mái ngoài; vùng phụ cận được xác định theo đoạn kênh liền kề cùng tuyến xác định được chân mái ngoài, nhưng không nhỏ hơn vùng phụ cận quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Vùng phụ cận của công trình thủy lợi chưa được quy định tại Luật Thủy lợi

1. Đối với trạm bơm, phạm vi bảo vệ của trạm bơm là toàn bộ diện tích đất được giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.

2. Đối với bờ bao, vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra đối với bờ bao đất, từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra đối với bờ bao kiên cố

a) Bờ bao loại nhỏ, vùng phụ cận tối thiểu là 01 m ;

b) Bờ bao loại vừa, vùng phụ cận tối thiểu là 02 m ;

c) Bờ bao loại lớn, vùng phụ cận tối thiểu là 03 m .

3. Đối với công trình dẫn, chuyển nước là đường ống, xi phông, tuy nel, cầu máng; vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra đối với công trình xây nổi và mặt đứng được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra đối với công trình xây chìm

a) Công trình có lưu lượng nhỏ hơn $01 \text{ m}^3/\text{s}$, vùng phụ cận tối thiểu là 02 m ;

b) Công trình có lưu lượng từ $01 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $05 \text{ m}^3/\text{s}$, vùng phụ cận từ 03 đến 04 m ;

c) Công trình có lưu lượng trên $05 \text{ m}^3/\text{s}$, vùng phụ cận từ 04 đến 05 m .

4. Đối với công trình thủy lợi kết hợp làm đường giao thông, phạm vi bảo vệ được xác định theo quy định về an toàn giao thông đường bộ, nhưng không nhỏ hơn phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi được quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 40 Luật Thủy lợi; Điều 3 và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quy định này.

Điều 5. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các công trình thủy lợi phải cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ chưa được quy định tại Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT

a) Trạm bơm loại lớn và trạm bơm loại vừa chưa có hàng rào bảo vệ;

b) Kênh có lưu lượng từ 02 m³/s đến dưới 05 m³/s, đi qua địa bàn phường, khu chế xuất, khu kinh tế, khu - cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung;

c) Bờ bao loại lớn và bờ bao loại vừa;

d) Công trình thủy lợi quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều 4 Quy định này.

2. Trách nhiệm cắm mốc, bảo vệ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 43 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 146/2025/QH15 và Điều 25 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT.

3. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại các Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 6. Cột mốc và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới

1. Cột mốc chỉ giới theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT.

2. Khoảng cách giữa hai mốc chỉ giới liền nhau đối với công trình thủy lợi phải cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ chưa được quy định tại Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT

a) Đối với trạm bơm, khoảng cách không quá 50 m. Tại các điểm góc, điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc;

b) Đối với kênh, bờ bao và công trình dẫn, chuyển nước đi qua địa bàn phường, khu chế xuất, khu kinh tế, khu - cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung khoảng cách không quá 150 m; đi qua địa bàn còn lại, khoảng cách không quá 300 m. Tại các điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan trong việc tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về thủy lợi; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện;

c) Tổ chức kiểm tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra, đôn đốc xử lý các trường hợp vi phạm hành chính về thủy lợi;

d) Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi lập, trình phê duyệt, phê duyệt, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định;

đ) Hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã, phường và tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch và thực hiện khắc phục, dỡ bỏ hoặc di dời công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi;

e) Phối hợp Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai, xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng mạng, hạ tầng, nền tảng sử dụng thống nhất ở địa phương thuộc phạm vi chức năng được giao theo quy định của pháp luật phục vụ hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thủy lợi.

3. Sở Xây dựng phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trong việc xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông; thực hiện cắm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

4. Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trong các nội dung quy hoạch có liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Công an Thành phố chỉ đạo công an cấp xã tăng cường công tác tuần tra, xác minh, điều tra các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 42, khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 146/2025/QH15; chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các quy định của pháp luật về thủy lợi trên địa bàn;

b) Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo phân cấp;

c) Kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền, đúng quy định pháp luật;

d) Phối hợp với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi công bố công khai mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới trên địa bàn;

đ) Phối hợp với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

8. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

a) Thực hiện đầy đủ các quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42, Điều 54 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 146/2025/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hành chính trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; thông báo ngay và kiên nghị Ủy ban nhân dân xã, phường nơi xảy ra vi phạm xử lý theo quy định;

c) Lập, trình thẩm định, trình phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đang khai thác; công bố công khai, trực tiếp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới, lưu trữ hồ sơ mốc chỉ giới. Định kỳ hằng năm kiểm tra, bảo trì, khôi phục các mốc chỉ giới bị mất hoặc sai lệch so với hồ sơ cắm mốc chỉ giới được phê duyệt;

d) Lập, trình thẩm định, trình phê duyệt, phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi văn bản kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định./.
